

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ – ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2024
“V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Kim Dung

2. Bà Bùi Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hà Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990, (có mặt).

Nơi cư trú: Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1986, (vắng mặt).

Nơi cư trú: Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2023 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Việt H kết hôn ngày 31/3/2008, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Kết hôn xong vợ chồng chị sống chung cùng gia đình anh H tại tổ dân phố T phường H, thành

phố V. Tình cảm vợ chồng những năm đầu bình thường, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9 năm 2015, nguyên nhân là do anh H thường xuyên chơi bời, rượu chè rồi về nhà gây sự to tiếng cãi chửi chửi. Trong cuộc sống anh H không hề quan tâm và có trách nhiệm gì đối với vợ và các con. Do không thể chịu được cuộc sống vô trách nhiệm của anh H, nên chị đã đưa các con bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 4/2023 đến nay (nhà mẹ đẻ chị cũng ở phường H, thành phố V). Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để cả hai có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thanh Ng, sinh ngày 06/9/2011 và cháu Nguyễn Thị Linh Nh, sinh ngày 04/01/2009. Hiện tại các con đang ở với chị. Ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Linh Nh; chị đồng ý để anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thanh Nguyên, đây cũng là nguyện vọng của cháu Ng xin được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Cả hai không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Hiện tại chị đang làm tại công ty Giày Da Vĩnh Yên. Thu nhập hàng tháng của chị từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/01 tháng, còn anh H làm nghề xây dựng dựng tự do. Thu nhập hàng tháng của anh H theo chị từ khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay, cho vay chung của vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Việt H sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ và gửi các văn bản của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ. Tòa án đã triệu tập anh H nhiều lần đến Tòa để làm việc nhưng anh H cố tình trốn tránh và không nộp cho Tòa án các văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.*

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 5 năm 2024 ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1960 là bố đẻ của anh Nguyễn Việt H trình bày: Gia đình ông tổ chức kết hôn cho chị L và anh H vào tháng 3 năm 2008. Trước khi kết hôn anh H, chị L được tự do tìm hiểu, hai bên gia đình không ai ép buộc gì. Kết hôn xong chị L và anh H sống cùng với vợ chồng ông tại tổ dân phố T, phường H, thành phố V. Ông thừa nhận chị L đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 4/2023. Lý do chị L bỏ về nhà*

mẹ đẻ ở là do chị L và anh H xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau. Từ ngày chị L về nhà mẹ đẻ ở thì anh H vẫn ở cùng nhà với vợ chồng ông. Hai gia đình thông gia đã nói chuyện động viên, hòa giải để cải thiện quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh H. Tuy nhiên, quan hệ vợ chồng của anh chị vẫn không được cải thiện. Quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh H có hai con chung là cháu Nguyễn Thanh Ng, sinh ngày 06/9/2011 và cháu Nguyễn Thị Linh Nh, sinh ngày 04/01/2009. Hiện tại các cháu đang ở với chị L. Hàng ngày chị L làm công nhân, anh H làm nghề xây dựng tự do. Cả hai đều tự chủ về kinh tế và có đủ điều kiện để mỗi người nuôi một con nếu trường hợp ly hôn xảy ra. Là người bố ông không mong muốn việc ly hôn của các con xảy ra, bản thân ông đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị L vẫn không đồng ý quay về. Nếu chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn anh H thì ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông xác nhận các lần Tòa án gửi các thông báo, giấy triệu tập cho anh Nguyễn Việt H con trai ông, ông đều nhận thay và ngay trong ngày nhận được, ông đã các giấy tờ của Tòa án cho anh H, anh H biết việc chị L xin ly hôn nhưng anh H nói sẽ không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa: Chị L giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, xin nuôi 01 con chung là cháu Nh, đề nghị giao cho anh H nuôi cháu Ng; về tài sản chung, các khoản vay, cho vay và công sức đóng góp chị không yêu giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Việt H.

+ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Linh Nh, sinh ngày 04/01/2009; giao cho anh Nguyễn Việt H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thanh Ng, sinh ngày 06/9/2011. Chị L và anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn người

không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

+ Về án phí sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Việt H nhưng anh H vắng mặt tại Tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Việt H có hộ khẩu thường trú tại: Phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lan và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 31/3/2008 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị L, anh H đang cư trú và lời khai của ông Nguyễn Xuân B là bố đẻ của anh H đều thể hiện: Chị L và anh H sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh H, chính quyền địa phương cùng ông B bố đẻ của anh H đều không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Việc chị L làm đơn xin ly hôn anh H vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để anh chị về đoàn tụ với nhau được. Qua xác minh tại địa phương và lời khai của ông Nguyễn Xuân B là bố của anh H đều xác định anh chị đã sống ly thân được một thời gian từ tháng 4/2023 đến nay, không còn liên lạc và bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Anh H có biết việc chị L làm đơn xin ly hôn nhưng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản

1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh H.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị L, anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh Ng, sinh ngày 06/9/2011 và cháu Nguyễn Thị Linh Nh, sinh ngày 04/01/2009. Hiện các cháu chung sống cùng với chị L tại tổ dân phố T, phường H, thành phố V, tỉnh V.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị L và anh H cư trú đều thể hiện chị L làm công nhân, còn anh H làm nghề xây dựng tự do, có thu nhập và có đủ điều kiện để mỗi người nuôi một con. Ly hôn chị L có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh, chị L đồng ý để anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng.

Quá trình giải quyết vụ án do anh H đều vắng mặt nên các bên không thỏa thuận được việc nuôi con, theo quy định của pháp luật khi quyết định giao con cho một người chăm sóc, nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện thực tế, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để quyết định giao cho bố hoặc mẹ. Trên thực tế, cả chị L và anh H đều có đủ điều kiện mỗi người nuôi một con và theo nguyện vọng của cháu Ng xin được ở với anh H, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nh và đồng ý để cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng. Do vậy, cần giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh, giao cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng. Chị L và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lan phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Việt H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Linh Nh, sinh ngày 04/01/2009; giao cho anh Nguyễn Việt H được trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thanh Ng, sinh ngày 06/9/2011. Chị L và anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0005721 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- UBND phường Hộ, TP V;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang Nhung